

Số: 15/QĐ-MNCC

Mường Nhé, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán NSNN đầu năm 2026

P. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CHUNG CHẢI

Căn cứ luật ngân sách số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số: 1006/QĐ-UBND ngày 28/12/2025 của xã Mường Nhé. Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách đầu năm, năm 2026 của trường Mầm Non Chung Chải (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, kế toán và các bộ phận có liên quan thuộc đơn vị thực hiện quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT, KT

P.THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Hoa

Biểu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON CHUNG CHẢI**

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.108.721.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.108.721.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.108.721.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.962.192.000
	Trong đó:	
	Đã học gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.939.729.000
	Trong đó:	
	Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 238/2025/ND-CP	846.425.000
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã ĐBKK theo ND105/2020/ND-CP	794.360.000
	Hỗ trợ kinh phí dạy lớp treo, lớp ghép, tăng cường TV	
	Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 66/2025/ND-CP	79.376.000
	Hỗ trợ học sinh ít người theo ND 57/2017/ND-CP	118.480.000
	Hỗ trợ học sinh khuyết tật TT 42/2013/TTLT- BGDĐT	101.088.000
	Mua sắm thiết bị	
	Phần mềm	
	Tạm ứng CCTL	
3.3	Cải cách tiền lương	206.800.000
	Trong đó:	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	206.800.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	